TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2025
V/v: Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Mai Văn Ngọc
Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2024 về việc *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị V, sinh năm 1988; Số CCCD: 044188002082; Địa chỉ: Xóm C, thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1978; Số CMND: 194209188; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm C, thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang cư trú: Số G M, thành phố K, tỉnh Hiroshima, Japan (Nhật Bản); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử - nguyên đơn chị Võ Thị V trình bày:

Chị và anh Phan Văn T có quá trình tìm hiểu nhau tự nguyện và cả hai cùng thống nhất đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 11/6/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian. Đến giữa năm 2023, chồng chị sang Nhật Bản lao động. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc tình cảm với nhau. Cho đến cuối năm 2023 thì giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả và liên lạc ít dần, nguyên nhân là vợ chồng xa nhau và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau về cả tình cảm và kinh tế. Tình cảm vợ chồng không còn khả

năng khắc phục nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 06/3/2016 và Phan Thị Thanh T2, sinh ngày 25/7/2018. Nguyện vọng sau khi ly hôn, chị V muốn được nuôi cả hai con và không yêu cầu chồng cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn T hiện đang làm việc và cư trú tại Nhật Bản. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Phan Văn T, tuy nhiên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh T, tại phiên tòa anh T không có mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2025 đối với ông Phan Văn Q là bố ruột của bị đơn anh Phan Văn T, theo ông Q trình bày:

Anh Phan Văn T và chị Võ Thị V kết hôn vào năm 2016, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau cũng có có mâu thuẫn gì lớn. Việc Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn giữa anh T và chị V, ông cũng có nge mọi người nói còn anh T, chị V thì không báo cho ông biết. Tại thời điểm anh T chuẩn bị bay sang Nhật Bản làm ăn, ông thấy tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Sau khi sang nước ngoài, anh T vẫn gửi tiền về cho chị V mỗi tháng 4-5 triệu để nuôi con. Về địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản thì ông không rõ nhưng ông vẫn liên lạc thường xuyên với anh T. Ông cũng cam đoan sẽ báo cho anh T biết về việc chị V làm đơn ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con và không có tài sản chung. Nay chị V làm đơn ly hôn anh T, ông không mong muốn nhưng quyền quyết định thuộc về vợ chồng, ông không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án và người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Võ Thị V được ly hôn anh Phan Văn T; Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 06/3/2016 và Phan Thị Thanh T2, sinh ngày 25/7/2018 cho chị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và không buộc anh T cấp dưỡng; Về tài sản chung chị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Đương sự chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo Công văn số 138/CV-QLXNC, ngày 10/01/2025 của Phòng Q1 - Công an tỉnh Q thì anh Phan Văn T đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 03/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị Võ Thị V cung cấp địa

chỉ của anh Phan Văn T hiện đang cư trú tại: Số G M, thành phố K, tỉnh Hiroshima, Japan (Nhật Bản). Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tống đạt đến cơ quan Đ tại Nhật Bản để tống đạt và thu thập chứng cứ đối với anh Phan Văn T theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị cơ quan Đ tại Nhật Bản tiến hành niêm yết công khai đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với anh T tại cơ quan Đ tại Nhật Bản và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này nhưng không có kết quả.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của bị đơn và thông báo cho anh T biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị V và anh trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ anh T. Chị Võ Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, Điều 238, các điểm b,c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị V và anh Phan Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi vợ chồng kết hôn và chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, từ khi anh T đi làm ăn ở nước ngoài thì vợ chồng ít liên lạc, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hiện tại giữa chị V và anh T không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, xử cho chị Võ Thị V được ly hôn anh Phan Văn T.

[2.2]. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 06/3/2016 và Phan Thị Thanh T2, sinh ngày 25/7/2018. Nguyện vọng sau khi ly hôn, chị V muốn được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy hiện tại anh T đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị V, giao hai cháu Phan Thị Thanh T1 và Phan Thị Thanh T2 cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu muốn sống cùng mẹ. Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì có đủ điều kiện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị V.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị Võ Thị V trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài: Chị Võ Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí tống đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài theo quy

định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2017,

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; các Điều 469, 474, 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 121, 123 và 127 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Võ Thị V được ly hôn với anh Phan Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Phan Thị Thanh T1, sinh ngày 06/3/2016 và Phan Thị Thanh T2, sinh ngày 25/7/2018 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp:* Chị Võ Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số 0005204 ngày 17/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị V đã đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Chi phí tố tụng khác: Chị V phải chịu 4.018.000 đồng tiền chi phí tố tụng khác, chị V đã nộp đủ tại Tòa án.

4. Án sơ thẩm xử công khai, chị Võ Thị V có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phan Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- UBND thị trấn Kiến Giang, Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn